

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 152/2010/NQ-HĐND

*Tuy Hòa, ngày 16 tháng 7 năm 2010*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN  
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Sau khi xem xét Đề án về số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên kèm theo Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua quy định về số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên với những nội dung kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 45/2003/NQ-HĐND ngày 23 tháng 01 năm 2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức sinh hoạt phí đối với Phó Chủ tịch Mặt

trận Tổ quốc, Phó các đoàn thể, mức phụ cấp đối với Phó Công an, Phó chỉ huy quân sự xã, công an viên và Trưởng, Phó thôn, buôn, khu phố; Nghị quyết số 21/2004/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức phụ cấp đối với Chủ tịch Hội chữ thập đỏ và Chủ tịch Hội người cao tuổi ở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 57/2005/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn số lượng và mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 67/2006/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn mức phụ cấp cho Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, buôn, khu phố; Nghị quyết số 88/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh mức phụ cấp đối với chức danh Công an viên ở thôn, buôn.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa V, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2010./.

**CHỦ TỊCH**

**Đào Tấn Lộc**



13	Xã Xuân Thọ 2	19	16	3	2	23	21	2
14	Xã Xuân Phương	19	19	0	1	25	22	3
<b>III</b>	<b>Huyện Phú Hoà</b>	<b>179</b>	<b>165</b>	<b>14</b>		<b>215</b>	<b>195</b>	<b>20</b>
1	Thị trấn Phú Hoà	19	18	1	2	23	21	2
2	Xã Hoà An	21	17	4	1	25	22	3
3	Xã Hoà Thắng	22	21	1	1	25	23	2
4	Xã Hoà Định Đông	19	16	3	3	21	20	1
5	Xã Hoà Định Tây	19	18	1	2	23	21	2
6	Xã Hoà Trị	22	19	3	1	25	23	2
7	Xã Hoà Quang Nam	19	19	0	1	25	22	3
8	Xã Hoà Quang Bắc	19	18	1	1	25	22	3
9	Xã Hoà Hội	19	19	0	2	23	21	2
<b>IV</b>	<b>Huyện Đông Hoà</b>	<b>198</b>	<b>185</b>	<b>13</b>		<b>250</b>	<b>221</b>	<b>29</b>
1	Xã Hoà Thành	21	20	1	1	25	22	3
2	Xã Hoà Tân Đông	19	18	1	1	25	22	3
3	Xã Hoà Xuân Tây	20	19	1	1	25	22	3
4	Xã Hoà Xuân Đông	20	19	1	1	25	22	3
5	Xã Hoà Xuân Nam	19	17	2	1	25	22	3
6	Xã Hoà Tâm	19	17	2	1	25	22	3
7	Xã Hoà Vinh	20	19	1	1	25	22	3
8	Xã Hoà Hiệp Trung	22	20	2	1	25	23	2
9	Xã Hoà Hiệp Nam	19	18	1	1	25	22	3
10	Xã Hoà Hiệp Bắc	19	18	1	1	25	22	3
<b>V</b>	<b>Huyện Tây Hoà</b>	<b>221</b>	<b>211</b>	<b>10</b>		<b>265</b>	<b>240</b>	<b>25</b>
1	Xã Hoà Bình 1	19	19	0	2	23	21	2
2	Xã Hoà Bình 2	20	18	2	1	25	22	3
3	Xã Hoà Phong	19	18	1	2	23	21	2
4	Xã Hoà Phú	19	18	1	2	23	21	2
5	Xã Hoà Mỹ Tây	22	21	1	1	25	23	2
6	Xã Hoà Mỹ Đông	20	20	0	1	25	22	3
7	Xã Hoà Đông	20	18	2	1	25	22	3
8	Xã Hoà Tân Tây	19	19	0	2	23	21	2
9	Xã Hoà Thịnh	23	21	2	1	25	24	1
10	Xã Sơn Thành Đông	21	20	1	1	25	22	3
11	Xã Sơn Thành Tây	19	19	0	2	23	21	2
<b>VI</b>	<b>Huyện Tuy An</b>	<b>305</b>	<b>295</b>	<b>10</b>		<b>374</b>	<b>339</b>	<b>35</b>
1	Thị trấn Chí Thạnh	19	19	0	2	23	21	2
2	Xã An Xuân	19	19	0	3	21	20	1
3	Xã An Nghiệp	19	19	0	2	23	21	2
4	Xã An Ninh Đông	19	19	0	1	25	22	3
5	Xã An Ninh Tây	20	19	1	1	25	22	3
6	Xã An Thạch	19	19	0	3	21	20	1
7	Xã An Dân	19	18	1	2	23	21	2
8	Xã An Cư	19	18	1	2	23	21	2
9	Xã An Hiệp	19	18	1	2	23	21	2
10	Xã An Thọ	19	19	0	2	23	21	2
11	Xã An Hải	19	19	0	1	25	22	3
12	Xã An Mỹ	19	18	1	1	25	22	3
13	Xã An Lĩnh	19	18	1	2	23	21	2
14	Xã An Định	19	17	2	3	21	20	1
15	Xã An Hoà	19	19	0	1	25	22	3
16	Xã An Chấn	19	17	2	1	25	22	3
<b>VII</b>	<b>Huyện Đồng Xuân</b>	<b>217</b>	<b>206</b>	<b>11</b>		<b>261</b>	<b>236</b>	<b>25</b>
1	Thị trấn La Hai	22	22	0	1	25	23	2
2	Xã Xuân Long	19	19	0	2	23	21	2
3	Xã Xuân Lãnh	21	18	3	1	25	22	3
5	Xã Xuân Sơn Bắc	19	19	0	2	23	21	2
4	Xã Xuân Sơn Nam	20	19	1	2	23	21	2
6	Xã Xuân Quang 1	19	19	0	2	23	21	2

7	Xã Xuân Quang 2	19	19	0	2	23	21	2
8	Xã Xuân Quang 3	19	18	1	2	23	21	2
9	Xã Xuân Phước	21	18	3	1	25	22	3
10	Xã Đa Lộc	19	18	1	2	23	21	2
11	Xã Phú Mỹ	19	17	2	1	25	22	3
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hoà</b>	<b>272</b>	<b>264</b>	<b>8</b>		<b>322</b>	<b>297</b>	<b>25</b>
1	Thị trấn Củng Sơn	23	22	1	1	25	24	1
2	Xã Sơn Hà	21	21	0	2	23	22	1
3	Xã Sơn Nguyên	19	18	1	2	23	21	2
4	Xã Sơn Phước	19	19	0	2	23	21	2
5	Xã Sơn Xuân	19	19	0	3	21	20	1
6	Xã Sơn Long	19	18	1	3	21	20	1
7	Xã Sơn Định	19	18	1	2	23	21	2
8	Xã Sơn Hội	19	18	1	1	25	22	3
9	Xã Phước Tân	19	18	1	2	23	21	2
10	Xã Cà Lú	19	18	1	2	23	21	2
11	Xã Krông Pa	19	19	0	2	23	21	2
12	Xã Suối Trai	19	19	0	2	23	21	2
13	Xã Ea Chà Rang	19	19	0	2	23	21	2
14	Xã Suối Bạc	19	18	1	2	23	21	2
<b>IX</b>	<b>Huyện Sông Hinh</b>	<b>211</b>	<b>194</b>	<b>17</b>		<b>257</b>	<b>233</b>	<b>24</b>
1	Thị trấn Hai Riêng	21	20	1	1	25	22	3
2	Xã Sơn Giang	19	17	2	2	23	21	2
3	Xã Đức Bình Đông	19	19	0	2	23	21	2
4	Xã Đức Bình Tây	19	18	1	2	23	21	2
5	Xã Ea Bia	19	19	0	2	23	21	2
6	Xã Ea Bar	19	17	2	2	23	21	2
7	Xã Ea Ly	19	18	1	1	25	22	3
8	Xã Ea Bá	19	16	3	2	23	21	2
9	Xã Ea Trol	19	17	2	2	23	21	2
10	Xã Ea Lâm	19	16	3	2	23	21	2
11	Xã Sông Hinh	19	17	2	2	23	21	2
<b>112</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.176</b>	<b>2.051</b>	<b>125</b>		<b>2.660</b>	<b>2.394</b>	<b>266</b>

2. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm 18 chức danh sau:

1. Phó Trưởng công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy).
2. Phó Chỉ huy trưởng quân sự.
3. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
5. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
6. Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.
7. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
8. Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
9. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
10. Cán bộ làm công tác Tổ chức, Kiểm tra đảng.
11. Cán bộ làm công tác Tuyên giáo, Dân vận.
12. Cán bộ làm công tác Văn phòng Đảng ủy.
13. Cán bộ làm công tác Dân số - Gia đình và Trẻ em.
14. Cán bộ Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.

15. Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh;
16. Cán bộ Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Ngư - Diêm nghiệp.
17. Cán bộ làm công tác Thú y.
18. Cán bộ quản lý Lâm nghiệp (đối với các xã có rừng).

3. Mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

a) 09 chức danh sau đây hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung trên một tháng:

1. Phó Trưởng công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy).
2. Phó Chỉ huy trưởng quân sự.
3. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
5. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
6. Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.
7. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
8. Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
9. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

b) 09 chức danh sau đây hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 0,9 mức lương tối thiểu chung trên một tháng:

1. Cán bộ làm công tác Tổ chức, Kiểm tra đảng.
2. Cán bộ làm công tác Tuyên giáo, Dân vận.
3. Cán bộ làm công tác Văn phòng Đảng ủy.
4. Cán bộ làm công tác Dân số - Gia đình và Trẻ em.
5. Cán bộ Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.
6. Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh.
7. Cán bộ Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Ngư - Diêm nghiệp.
8. Cán bộ làm công tác Thú y.
9. Cán bộ quản lý Lâm nghiệp.

c) Nếu bố trí kiêm nhiệm một chức danh hoặc cùng lúc kiêm nhiệm nhiều chức danh nói trên thì cũng chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức lương hiện hưởng. (theo quy định tại khoản 1, Điều 10, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP phụ cấp kiêm nhiệm chức danh cho cán bộ, công chức cấp xã).

4. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố:

Theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP quy định: mỗi thôn, buôn, khu phố được bố trí không quá 03 người, dự kiến bố trí các chức danh như sau:

- a) Bí thư Chi bộ thôn.
- b) Trưởng thôn.
- c) Phó thôn (01 người).

5. Mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố:

a) Bí thư Chi bộ thôn hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung trên tháng.

b) Trưởng thôn hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung trên tháng.

c) Phó thôn hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 mức lương tối thiểu chung trên một tháng.

d) Trường hợp Bí thư Chi bộ kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng. (theo quy định tại khoản 1, Điều 10, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP phụ cấp kiêm nhiệm chức danh cho cán bộ, công chức cấp xã).

6. Mức phụ cấp Công an viên ở thôn, buôn, khu phố:

Công an viên ở thôn, buôn (mỗi thôn, buôn một Công an viên) hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung trên một tháng.

7. Mức phụ cấp các đoàn thể ở thôn, buôn, khu phố:

Mức phụ cấp Trưởng ban công tác Mặt trận hệ số 0,4 mức lương tối thiểu chung trên một tháng; Chi hội trưởng Hội phụ nữ, Chi hội trưởng Hội nông dân, Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên hệ số 0,3 mức lương tối thiểu chung trên một tháng.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí vào dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện./.

**CHỦ TỊCH**

**Đào Tấn Lộc**